

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HOÀ  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST  
Ngày 19 tháng 01 năm 2024  
"V/v: Kiện đòi tài sản (tiền)".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ - CAO BẰNG**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà **Hoàng Thị Thúy**.

- **Các Hội thẩm nhân dân gồm:**

+ Ông **Lương Văn Phúc**;

+ Bà **Hoàng Thị Chiên**.

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông **Nguyễn Thành Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà **Lục Thị Hà** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX – ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn **Hoàng Văn T** - sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ x, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Là Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Hoàng Văn T1 – Sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố y, thị trấn HT, huyện QH, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn **Ngô Thị H** - sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố PC, thị trấn QU, huyện QH, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 trình bày:

Anh T góp vốn để kinh doanh cùng bà H, có thỏa thuận lợi nhuận sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa hai bên, thỏa thuận bằng miệng thông qua điện thoại. Anh T chỉ có nghĩa vụ góp vốn, mọi hoạt động kinh doanh do bà H quyết định, bà H cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ vốn và lợi nhuận (nếu có) trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày nhận được vốn. Trước khi góp vốn anh T có tìm hiểu và được biết bà H được các tạp chí thương hiệu và pháp luật tán dương nhưng không

rõ kinh doanh về lĩnh vực gì chỉ nghe bà H nói là hàng hóa xuất nhập khẩu qua Trung Quốc. Việc góp vốn thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Tổng số tiền anh T đã chuyển vào số tài khoản bà H 10086012699x tại ngân hàng Viettinbank để góp vốn là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng), thời gian góp vốn là từ ngày 06/12/2020 đến ngày 18/12/2020, cụ thể:

Ngày 06/12/2020 chuyển 30.000.000đồng;

Ngày 08/12/2020 chuyển hai lần: 300.000.000đồng và 100.000.000đồng;

Ngày 10/12/2020 chuyển hai lần: 300.000.000đồng và 170.000.000đồng;

Ngày 18/12/2020 chuyển 50.000.000đồng.

Từ lúc góp vốn đến nay bà H đã thanh toán cho anh T 03 lần thông qua chuyển khoản với tổng số tiền là 135.700.000 đồng, cụ thể:

+ Lần 1 vào ngày 25/12/2020 số tiền 52.000.000 đồng

+ Lần 2 vào ngày 08/01/2021 số tiền 40.000.000 đồng

+ Lần 3 vào ngày 09/01/2021 số tiền 43.700.000 đồng

(có bản sao kê chi tiết của ngân hàng kèm theo).

Số tiền 135.700.000 đồng là tiền lợi nhuận mà bà H đã trả cho anh T trong tổng số 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) lợi nhuận.

Đối với Giấy nhận tiền ngày 11/12/2020 đã chuyển sang thành Giấy vay tiền của ngày 26/02/2021. Giấy nhận tiền ngày 10/12/2020 số tiền 500 triệu đồng là của 03 lần chuyển tiền (lần 1 ngày 06/12/2020 là 30 triệu đồng; lần 2 ngày 10/12/2020 số tiền là 300 triệu đồng; lần 3 ngày 10/12/2020 số tiền là 170 triệu đồng). Còn khoản tiền 50 triệu chuyển ngày 18/12/2020 chưa được lập giấy nhận tiền.

Theo đơn khởi kiện, anh T yêu cầu bà Ngô Thị H phải trả nợ gốc 950.000.000đồng và lãi chậm trả gốc 110.000.000đồng, tổng là 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng). Nay anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả gốc là 110.000.000đồng; chỉ yêu cầu bà H trả khoản nợ gốc là 950.000.000đồng.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ngô Thị H trình bày:*  
Tôi quen với anh T từ khi học cấp 3 ở thị trấn ĐK, huyện TA, tỉnh Cao Bằng. Số tài khoản 10086012699x tại ngân hàng Viettinbank là của tôi sử dụng từ năm 2020 cho đến bây giờ vẫn đang sử dụng. Theo sao kê của ngân hàng, trong các ngày 06/12, 08/12, 10/12 và 18/12/2020 tổng cộng anh T đã chuyển cho tôi 950.000.000 đồng là chính xác. Trong ngày 08/12/2020 và 10/12/2020 có hai mã chuyển tiền mỗi lần là 300.000.000đồng, hai mã chuyển tiền này là do tôi cần tiền trong tài khoản và có tiền mặt nên tôi nhờ anh T chuyển vào tài khoản của tôi rồi tôi trả anh T tiền mặt. Còn các lần khác tôi vay anh T để làm Cửa hàng tám thuốc bắc xông hơi tại thành phố Thái Nguyên. Trong đơn khởi kiện anh T yêu cầu tôi trả tổng số tiền hơn một tỷ là không đúng. Tôi chỉ được vay của anh T là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), mục đích tôi vay tiền của anh T là tính lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu đồng/ngày chứ không phải là để góp

vốn kinh doanh. Còn các giấy vay tiền là anh T bắt tôi viết lãi suất nhưng khi số tiền lên quá cao tôi không viết giấy nhận nợ. Tôi có được viết Giấy nhận tiền ghi ngày 10/12/2020 với nội dung nhận tiền từ anh T 500.000.000đồng để lo mọi việc kinh tế hàng hóa biên giới. Tôi viết giấy này là do cần tiền nên anh T yêu cầu tôi viết như thế thì mới cho vay, thực tế tôi không kinh doanh hàng hoá gì qua biên giới, lúc đó đang có dịch Covid 19. Đến thời điểm hiện tại tôi đã trả cho anh T tổng cộng 213.000.000đồng (qua chuyển khoản 133 triệu đồng và 80 triệu đồng tiền mặt) cả gốc và lãi, trong đó 133 triệu đồng chuyển khoản là trả tiền lãi, còn 80 triệu đồng là tôi trả cả gốc và lãi (một nửa là trả gốc, một nửa là lãi). Nay tôi sắp phải đi chấp hành án phạt tù 10 năm nên tôi không có khả năng chi trả cho anh T. Tại phiên tòa, tôi xác nhận số tiền tôi đã chuyển khoản cho anh T theo như sao kê của ngân hàng 135.700.000đồng là chính xác. Số tiền này tôi chuyển để trả lãi suất đối với số tiền vay 400.000.000đồng. Hiện nay số tiền tôi còn nợ anh T là 400.000.000đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/11/2023 và văn bản ghi ý kiến ngày 03/01/2024, anh T khai: Tôi chưa nhận được số tiền 80.000.000 đồng tiền mặt như bà H đã nói. Số tiền tôi chuyển cho bà H trong các ngày 08/12/2020 và 10/12/2020 đều là tiền góp vốn chứ không phải mục đích để đổi tiền mặt như bà H khai, tôi không nhận được bất kỳ khoản tiền mặt tương ứng nào từ bà H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn T, buộc bị đơn Ngô Thị H phải trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 814.300.000đồng (950.000.000đồng – 135.700.000đồng).

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn Hoàng Văn T yêu cầu bị đơn Ngô Thị H phải trả lại tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về Kiện đòi tài sản (tiền). Bị đơn Ngô Thị H có nơi cư trú tại huyện Quảng Hòa, Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Hoàng Văn T yêu cầu bị đơn Ngô Thị H phải trả 950.000.000,đ tiền nợ gốc đã góp vốn và 110.000.000,đ tiền lãi chậm trả gốc. Nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả gốc là 110.000.000đồng; chỉ yêu cầu bà H trả khoản nợ gốc là 950.000.000đồng.

- Xem xét việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả gốc là 110.000.000đồng: Xét thấy, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ vào Điều 244, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi chậm trả gốc là 110.000.000đồng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Ngô Thị H trả khoản tiền nợ gốc 950.000.000, đã thấy rằng:

Về lý do các bên chuyển và nhận tiền: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hoàng Văn T khai đây là toàn bộ số tiền anh T cùng góp vốn để kinh doanh với bà H, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn, hai bên thỏa thuận bằng miệng qua điện thoại. Còn bị đơn Ngô Thị H cho rằng việc bà H nhận tiền từ anh T mục đích là vay tiền của anh T với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu đồng/ngày chứ không phải là để góp vốn kinh doanh. Xét thấy, ngoài lời khai ra, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Do vậy, không có cơ sở để xác định việc nguyên đơn Hoàng Văn T chuyển tiền cho Ngô Thị H nhằm mục đích để góp vốn hay để vay tính lãi suất 3.000đồng đến 5.000đồng/triệu/ngày.

Về số tiền nguyên đơn Hoàng Văn Tường đã chuyển cho bị đơn Ngô Thị Huyền: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì việc nguyên đơn Hoàng Văn T đã chuyển vào tài khoản 10086012699x tại ngân hàng Viettinbank cho bị đơn Ngô Thị H với tổng số tiền 950.000.000đồng là có thực, bị đơn Ngô Thị H cũng đã hoàn toàn thừa nhận. Tuy nhiên, bà cho rằng trong tổng số tiền 950.000.000đồng này thì ngày 08/12/2020 và 10/12/2020 có hai mã chuyển tiền mỗi lần là 300.000.000đồng, hai mã chuyển tiền này là do bà H cần tiền trong tài khoản và có tiền mặt nên nhờ anh T chuyển vào tài khoản rồi trả anh T tiền mặt. Anh T không nhất trí và khai anh không nhận được bất kỳ khoản tiền mặt tương ứng nào từ bà H. Ngoài lời khai ra, bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc nhờ anh T chuyển vào tài khoản và trả tiền mặt cho anh T, do đó lời khai của bà H không có căn cứ để được chấp nhận.

Xem xét các giấy vay tiền và giấy nhận tiền: Nguyên đơn và bị đơn đều có lời khai thống nhất về việc giấy nhận tiền ngày 11/12/2020 đã chuyển sang thành Giấy vay tiền ngày 26/02/2021 đều có nội dung bà H vay anh T số tiền 400.000.000đồng. Còn đối với Giấy nhận tiền ngày 10/12/2020 với nội dung bà H đã nhận số tiền 500.000.000đồng với anh T. Theo anh T giấy nhận tiền này là của 03 lần chuyển tiền (lần 1 ngày 06/12/2020 là 30 triệu đồng; lần 2 ngày 10/12/2020 số tiền là 300 triệu đồng; lần 3 ngày 10/12/2020 số tiền là 170 triệu đồng). Bà H cũng thừa nhận được viết Giấy nhận tiền ghi ngày 10/12/2020 với nội dung nhận tiền từ anh T 500.000.000 đồng nhưng mục đích viết giấy này để được nhận số tiền vay 400.000.000đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai bà H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

- Về số tiền bà H đã trả cho anh T: Theo anh T khai bà H đã chuyển cho anh tổng số tiền 135.700.000đồng, đây chỉ là tiền lợi nhuận. Tại phiên tòa, bà H cũng xác nhận đã chuyển cho anh T 135.700.000đồng, số tiền này là để trả lãi đối với

số tiền vay 400.000.000đồng. Còn trong 80.000.000đồng trả tiền mặt, có một nửa trả lãi và một nửa là trả gốc. Việc bà H khai đã trả 80.000.000đồng tiền mặt anh T không thừa nhận, ngoài lời khai ra bà H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Do đó, lời khai của bà H về việc trả tiền mặt cho anh T 80.000.000đồng là không có căn cứ để được chấp nhận.

Theo bản sao kê có trong hồ sơ vụ thể thể hiện: Bà H đã chuyển vào tài khoản anh T 03 lần: Ngày 25/12/2020 chuyển 52.000.000 đồng, ngày 08/01/2021 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 09/01/2021 chuyển 43.700.000 đồng, tổng 135.700.000đồng. Xét thấy, mặc dù không đủ căn cứ để xác định số tiền này là bà H trả lợi nhuận hay tiền lãi suất, nhưng cả hai đương sự đều thống nhất và xác nhận số tiền 135.700.000đồng bà H đã chuyển cho anh T không phải là để trả vào số tiền gốc. Vì vậy, việc anh T yêu cầu bà H phải trả lại số tiền 950.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T về việc buộc bà Ngô Thị H phải trả lại số tiền 950.000.000đồng.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tại phiên tòa chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc bà Ngô Thị H phải trả lại cho anh T số tiền là 814.300.000đồng (trên cơ sở 950.000.000đồng – 135.700.000đồng). Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với lời khai của các đương sự, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận đối với việc trừ số tiền 135.700.000đồng vào số tiền gốc 950.000.000đồng.

[4] Về án phí:

- Bị đơn Ngô Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho anh Hoàng Văn T là 40.500.000đồng.

- Nguyên đơn Hoàng Văn T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**Vì các lý trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: điều 117, 123, 131, 166 của Bộ luật dân sự; Điều 217, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn T. Buộc bị đơn Ngô Thị H phải trả lại cho anh Hoàng Văn T số tiền **950.000.000đồng** (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bà H chưa chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn T về việc buộc bị đơn Ngô Thị H phải trả lãi suất là 110.000.000đồng.

3. Về án phí:

- Bị đơn Ngô Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.500.000đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn Hoàng Văn T được trả lại 21.900.000đồng (Hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004834 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKS huyện;
- CCTHA huyện;
- Các đ-ơng sự;
- L- u HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Thúy**